TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **95**/2023/HS-ST
Ngày 07/8/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S.D, TỈNH T.Q

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà H Thị Minh Khánh.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Hùng.

2. Ông Trần Hữu Lượng.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện S.D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S.D tham gia phiên toà: Ông Phạm Tất Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 07/8/2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện S.D, tỉnh T.Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 84/2023/TLST- HS ngày 10 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2023/QĐXXST-HS, ngày 24 tháng 7 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. T.T.H, sinh ngày 14/6/1993 tại huyện S.D, tỉnh T.Q; nơi cư trú: Thôn A.X, xã S.N, huyện S.D, tỉnh T.Q; Dân tộc: Sán dìu; Quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông: T.T.H, sinh năm 1972; con bà: D.T.L, sinh năm 1972; Vợ, con: Chưa có; Anh, chị, em ruột: có 02 người, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án:

+ Bản án số 74/2014/HSST ngày 10/7/2014 của TAND huyện S.D xử phạt T.T.H 09 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*". Buộc H phải bồi thường cho người bị hại Phùng Văn Hợp số tiền 6.500.000đ và phải nộp 200.000đ án phí HSST, 325.000đ án phí dân sự sơ thẩm (áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm). Ngày 17/01/2015, H chấp hành xong hình phạt tù, đã nộp án phí HSST, DSST. Chưa thi hành phần bồi thường dân sự;

+ Bản án số 333/2019/HSST ngày 31/10/2019 của TAND quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xử phạt T.T.H 12 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản"* (tài sản trị giá 3.000.000đ). Truy thu của H số tiền 3.500.000đ và phải nộp 200.000đ án phí HSST (áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm). Ngày 23/7/2020, H chấp hành xong hình phạt tù, chưa thi hành phần dân sự (Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa,

thành phố Hà Nội chưa có hồ sơ đối với bản án số 333/2019/HSST ngày 31/10/2019 của TAND quận Đống Đa);

Tiền sự: Không.

Về nhân thân: Bản án số 115/2012/HSST ngày 06/11/2012 của TAND huyện S.D, tỉnh T.Q xử phạt T.T.H 01 năm 03 tháng tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" (tài sản lừa đảo trị giá 19.507.500đ) và phải nộp 200.000đ án phí HSST. Ngày 02/12/2013, H chấp hành xong hình phạt tù; đã thi hành xong phần án phí HSST.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/4/2023 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T.Q.

2. D.V.K, sinh ngày 09/6/1997 tại huyện S.D, tỉnh T.Q; nơi cư trú: Thôn A.X, xã S.N, huyện S.D, tỉnh T.Q; Dân tộc: Sán Dìu; Quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông: D.V.T, sinh năm 1968; con bà: T.T.M (đã chết); Vợ, con: Chưa có; Anh, chị, em ruột: có 06 người, bị cáo là con thứ 5.

Tiền án, tiền sự: Không;

Về nhân thân: Ngày 20/9/2021, Công an huyện S.D xử phạt vi phạm hành chính đối với D.V.K về hành vi trộm cắp tài sản, phạt tiền 1.500.000đ. Hiện K vẫn chưa thi hành (các văn bản đôn đốc ngày 12/12/2021, 20/02/2022, 21/3/2022).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/4/2023 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T.Q.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Người bị hại:

1.Ông L.V.K, sinh năm 1954.

2. Bà M.T.R, sinh năm 1962.

3. Chị M.T.M.M, sinh năm 1989.

Cùng trú tại: Thôn A.X - S.N - S.D - T.Q.

4. Anh Q.V.T, sinh năm 1993.

Trú tại: Thôn Nam Hiên - S.N - S.D - T.Q.

(Tại phiên tòa chị M.T.M.M *có mặt, ông L.V.K, bà M.T.R, anh Q.V.T vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 04/3/2023 đến ngày 17/3/2023, T.T.H và D.V.K đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn xã S.N, huyện S.D.

Lần 1: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 04/3/2023, D.V.K và T.T.H rủ nhau đi sang khu vực đồi nhà ông L.V.K để trộm cắp chó. Do trước đó K và H đã biết nhà ông Khuê có 01 con chó cái, khi đi H và K mang theo 01 chiếc thòng lọng được làm bằng dây cáp buộc vào 01 đoạn cây gỗ, trên đường đi K nhặt 01 bao tải dứa

màu trắng, khi đến nơi K và H đặt chiếc bẫy thòng lọng tại lối mòn sau nhà ông Khuê rồi đi lên khu đồi cây ngồi đợi, khoảng 10 phút sau con chó cái trọng lượng 12kg của nhà ông Khuê đi mắc vào bẫy thòng lọng. K và H bắt con chó cho vào bao tải, đi ra phía ngoài đường Quốc lộ 2C gặp và bán 01 con chó cho 01 người đàn ông không rõ tên, tuổi, địa chỉ được số tiền 400.000đ (khi bán chó K và H không nói cho người mua biết con chó là do trộm cắp mà có). Sau khi bán được chó, K và H đi đến khu vực giáp danh giữa xã S.N, huyện S.D và xã Q.S, huyện L.T, tỉnh Vĩnh Phúc mua 400.000đ heroine của một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ, sau đó đi về khu vực nghĩa trang thôn Đồng Cháy, xã S.N, huyện S.D cùng nhau sử dụng hết số heroine bằng hình thức đốt hít vào cơ thể.

Lần 2: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 12/3/2023, H và K tiếp tục rủ nhau đến nhà bà M.T.R để trộm cắp tải sản. H và K quan sát thấy nhà bà Rổ đã đi ngủ nên K trèo tường vào chuồng gà nhà bà Rổ bắt được 08 con gà mái tổng trọng lượng 20kg cho vào bao tải dứa để sẵn ở bờ rào, H đứng ở ngoài canh gác, cảnh giới. Sau khi trộm cắp được gà K đưa bao tải chứa gà cho H qua bờ rào rồi trèo ra. Khoảng 04 giờ cùng ngày K và H mang 08 con gà mái vừa trộm được bán cho một người phụ nữ không rõ, tên, tuổi, địa chỉ tại khu vực cổng chợ Bâm, xã S.N được số tiền 1.100.000đ (khi bán gà K và H không nói cho người mua biết là gà do trộm cắp mà có). Sau khi bán được gà K và H đã đi mua heroine của một người đàn ông không rõ tên, tuổi, địa chỉ rồi cùng nhau sử dụng bằng hình thức đốt hít vào cơ thể.

Lần 3: Khoảng 02 giờ ngày 17/3/2023, K và H cùng nhau đi vào khu vực nhà chị M.T.M.M đang xây dựng. K và H quan sát và phát hiện thấy có 04 tấm cốt pha bằng sắt tổng trọng lượng 128kg không có người trông coi nên đã trộm cắp 04 tấm cốt pha mang đi cất giấu. Khoảng 10 giờ cùng ngày K và H mang 03 tấm cốt pha bán cho anh Nguyễn Văn Huy, trú tại thôn Cao Đá, xã S.N, huyện S.D được 750.000đ (khi mua anh Huy không biết 03 tấm cốt pha do K và H trộm cắp mà có). Sau khi bán được 03 tấm cốt pha K và H đi mua heroine của người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ rồi cùng nhau sử dụng bằng hình thức đốt hít vào cơ thể. Ngày 20/3/2023, K và H mang nốt tấm cốt pha còn lại ra đường Quốc lộ 2C bán cho người đàn ông đi mua sắt vụn không biết tên, tuổi, địa chỉ được 200.000đ (khi bán K và H không nói tài sản do trộm cắp mà có). Sau đó K và H đi mua heroine của người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ rồi cùng nhau sử dụng bằng hình thức đốt hít vào cơ thể.

Ngoài 3 lần cùng T.T.H trộm cắp, D.V.K còn một mình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn xã S.N, huyện S.D, cụ thể: Khoảng 19 giờ ngày 15/3/2023, D.V.K một mình mang theo kìm sắt đi vào khu vực nhà anh Q.V.T, trú tại thôn Nam Hiên, xã S.N, K quan sát thấy ở khu vực vườn nhà anh Tư không có người nên K dùng kìm cắt khoảng 40m lưới sắt B40 bờ rào trọng lượng 60kg rồi mang về nhà cất giấu. Ngày 16/3/2023, K mang lưới sắt B40 trộm cắp được đi ra đường Quốc lộ bán cho người thu mua sắt vụn không rõ tên tuổi, địa chỉ được 350.000đ và chiếc kìm sắt được 500.000đ (khi bán lưới sắt B40 K không nói là tài sản do trộm cắp mà có). Số tiền trên một mình K đi mua heroine của người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ rồi sử dụng bằng hình thức đốt hít vào cơ thể.

Tại Kết luận định giá số 28/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 01/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện S.D kết luận: 01 con chó cái

màu lông vàng khối lượng 12kg tại thời điểm bị mất trộm trị giá 960.000đ; 08 con gà mái tổng khối lượng 20kg tại thời điểm bị mất trộm trị giá 2.200.000đ; lưới sắt B40 khối lượng 60kg tại thời điểm bị mất trộm trị giá 901.560đ; 04 tấm cốt pha bằng kim loại, rộng 20cm, dài 05m, dày 0,5cm khối lượng 32 kg/01 tấm, tổng khối lượng 128kg tại thời điểm bị mất trị giá 2.531.200đ.

Cáo trạng số 90/CT-VKSSD, ngày 10/7/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện S.D đã truy tố T.T.H về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS; D.V.K về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị:

- Tuyên bố: Bị cáo T.T.H và D.V.K phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

- Về hình phạt:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo T.T.H từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 01/4/2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo D.V.K từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù. Hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 01/4/2023.

- Về phần dân sự: Đề nghị HĐXX xem xét buộc các bị cáo phải bồi thường cho các bị hại. Cụ thể: Bồi thường cho ông L.V.K 960.000đ, bà M.T.R 2.200.000đ, chị M.T.M.M 1.250.000đ.

Không đề nghị hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX buộc các bị cáo nộp tiền án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát.

Kết thúc phần tranh luận, các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo T.T.H và D.V.K thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội giữa các bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo K khai: Ngoài 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp cùng H, bị cáo còn một mình thực hiện hành vi trộm cắp lưới sắt B40 của nhà anh Q.V.T. Toàn bộ số tiền các bị cáo bán tài sản trộm cắp được các bị cáo đã dùng để mua ma túy và cùng nhau sử dụng hết.

[2] Về tội danh: Căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, lời khai của người bị hại; căn cứ vào Biên bản khám nghiệm, xác minh hiện trường, kết luận định giá và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 04/3/2023 đến ngày

17/3/2023, T.T.H và D.V.K đã cùng nhau 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn xã S.N, huyện S.D, cụ thể:

Lần 1: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 04/3/2023, tại khu vực đồi nhà ông L.V.K, trú tại thôn A.X, xã S.N, huyện S.D, D.V.K và T.T.H đã trộm cắp 01 con chó cái có trọng lượng 12 kg, trị giá 960.000đ của ông L.V.K.

Lần 2: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 12/3/2023, tại gia đình bà M.T.R, trú tại thôn A.X, xã S.N, huyện S.D, D.V.K và T.T.H đã trộm cắp 08 con gà mái có trọng lượng 20 kg, trị giá 2.200.000đ của bà M.T.R.

Lần 3: Khoảng 02 giờ ngày 17/3/2023, tại khu vực nhà đang xây của chị M.T.M.M, trú tại thôn A.X, xã S.N, huyện S.D, D.V.K và T.T.H đã trộm cắp 04 tấm cốt pha bằng sắt tổng trọng lượng 128 kg, trị giá 2.531.200đ của chị M.T.M.M.

Tổng trị giá tài sản D.V.K và T.T.H trộm cắp là 5.691.200đ.

Ngoài ra D.V.K còn một mình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn xã S.N, huyện S.D, cụ thể: Khoảng 19 giờ ngày 15/3/2023, D.V.K một mình mang theo kìm sắt đi vào khu vực nhà anh Q.V.T, trú tại thôn Nam Hiên, xã S.N, trộm cắp 40m lưới sắt B40 bờ rào trọng lượng 60kg trị giá 901.560đ.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện S.D truy tố T.T.H về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS; D.V.K về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, lén lút chiếm đoạt tài sản, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của bị hại, gây bất bình trong dư luận xã hội, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Bản thân các bị cáo đều là đối tượng sử dụng ma túy, lười lao động, để có tiền mua ma túy về sử dụng các bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo H đã có 02 tiền án về tội trộm cắp chưa được xóa án tích, tại bản án số 333/2019/HS-ST đã áp dụng tình tiết tăng nặng là tái phạm, lần phạm tội này của bị cáo được áp dụng tình tiết định khung là tái phạm nguy hiểm. Do vậy cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo, có như vậy mới có tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa tội phạm chung.

Trong vụ án này, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo thực hiện tội phạm với vai trò đồng phạm giản đơn, không có tổ chức, phân công, sắp xếp cụ thể cho từng bị cáo.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và đường lối xử lý đối với các bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo bị áp dụng tình tiết phạm tội từ 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tại phiên tòa người bị hại M.T.M.M xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi

phạm tội, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã được phân tích ở trên, Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo trong mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị như vậy là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra xác định các bị cáo là lao động tự do, không có tài sản riêng có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về phần dân sự: Các bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho các bị hại, cụ thể ông L.V.K yêu cầu bồi thường 960.000đ, bà M.T.R yêu cầu bồi thường 2.200.000đ, chị M.T.M.M yêu cầu bồi thường 1.250.000đ.

Tại phiên tòa các bị cáo cũng nhất trí bồi thường cho các bị hại, các bị cáo thỏa thuận với nhau và nhận trách nhiệm bồi thường như sau: Bị cáo K có trách nhiệm bồi thường cho bà M.T.R số tiền 2.200.000đ; bị cáo H có trách nhiệm bồi thường cho ông L.V.K 960.000đ, bồi thường cho chị M.T.M.M 1.250.000đ. Tại phiên tòa chị Nguyệt nhất trí với thỏa thuận của các bị cáo.

HĐXX xét thấy sự thỏa thuận giữa các bị cáo và người bị hại chị Nguyệt là phù hợp, không trái với quy định của pháp luật. Mặc dù tại phiên tòa ông Khuê và bà Rổ vắng mặt nhưng lời khai có trong hồ sơ bà Rổ và ông Khuê cũng yêu cầu các bị cáo phải bồi thường như kết quả định giá. HĐXX xét thấy đề nghị của các bị hại là phù hợp, các bị cáo cũng đã nhận trách nhiệm bồi thường và số tiền phải bồi thường giữa các bị cáo tương đương nhau, chỉ chênh lệch 10.000đ và để tránh khoản tiền bồi thường bị chia nhỏ, nên chấp nhận sự đề nghị của các bị cáo và chị Nguyệt. Buộc bị cáo K có trách nhiệm bồi thường cho bà M.T.R số tiền 2.200.000đ; bị cáo H có trách nhiệm bồi thường cho ông L.V.K 960.000đ, bồi thường cho chị M.T.M.M 1.250.000đ .

Tại phiên tòa người bị hại anh Q.V.T vắng mặt nhưng lời khai có trong hồ sơ thể hiện anh không yêu cầu bị cáo bồi thường. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về các vấn đề liên quan:

Đối với người đàn ông bán ma túy cho D.V.K và T.T.H do không xác định được tên, tuổi, địa chỉ nên không có căn cứ để điều tra xử lý.

Về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của D.V.K và T.T.H. Công an huyện S.D đã xử phạt vi phạm hành chính tại Quyết dịnh số 156, 157 ngày 09/6/2023 bằng hình thức phạt tiền.

Đối với anh Nguyễn Văn Huy khi mua 03 tấm cốt pha bằng sắt từ D.V.K và T.T.H, anh Huy không biết là tài sản do trộm cắp mà có nên không đề cập xử lý.

Đối với những người mua tài sản do D.V.K và T.T.H trộm cắp nhưng không xác định được tên tuổi, địa chỉ và do các bị cáo không nói là tài sản do trộm cắp mà có nên không đề cập xử lý.

Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S.D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện S.D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị

cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định. Các bị cáo và người tham gia tố tụng khác được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 173; Điều 51; Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ: 136, 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ: Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584; 585; 587; 589; 357, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

- Tuyên bố: Các bị cáo **T.T.H** và **D.V.K** phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

1. Về hình phạt đối với các bị cáo:

- Căn cứ: điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **T.T.H** 02 *(hai)* năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (01/4/2023).

- Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **D.V.K 01** *(một)* năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (01/4/2023).

2. Về phần dân sự: Buộc các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường giá trị tài sản bị trộm cắp cho các bị hại. Cụ thể:

- Bị cáo D.V.K có nghĩa vụ bồi thường cho bà M.T.R số tiền 2.200.000đ (*Hai triệu hai trăm nghìn đồng*).

- Bị cáo T.T.H có nghĩa vụ bồi thường cho ông L.V.K số tiền 960.000đ (*Chín trăm sáu mươi nghìn đồng*) và chị M.T.M.M số tiền 1.250.000đ (*một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*). Tổng số tiền bị cáo H phải bồi thường là 2.210.000đ (*Hai triệu hai trăm mười nghìn đồng*).

Khoản tiền các bị cáo phải bồi thường, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và các bị hại có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng các bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải bồi thường theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí và quyền kháng cáo:

Các bị cáo T.T.H và D.V.K mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cổng tiền án phí HSST và DSST mỗi bị cáo phải nộp là 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*).

Các bị cáo, chị Nguyệt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh T.Q;*
- *VKSND tỉnh T.Q;*
- *Trại tạm giam CA tỉnh T.Q;*
- *Sở tư pháp tỉnh T.Q;*
- *VKSND huyện S.D;*
- *Công an huyện S.D;*
- *Chi cục T.H.A dân sự huyện SD;*
- *UBND xã S.N;*
- *Các bị cáo;*
- *Người tham gia tố tụng khác;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

H Thị Minh Khánh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nguyễn Minh Hùng - Trần Hữu Lượng

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

H Thị Minh Khánh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
Nguyễn Minh Hùng – Trần Hữu Lượng	**H Thị Minh Khánh**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T.Q;
- VKSND tỉnh T.Q;
- Trại tạm giam Công an tỉnh TQ;
- VKSND huyện S.D;
- Công an huyện S.D;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện SD;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

H Thị Minh Khánh